Thời Khóa Biểu Bộ Môn/Trung Tâm

Học Kỳ 1 - Năm Học 22 - 23

Hoạt động đào tạo Chính quy

Ngày bắt đầu học kỳ: 08/08/2022 (tuần 1)

Bộ Môn/Trung Tâm: BM.Sinh lý-Sinh hóa (NS2)

Lưu ý: mỗi kí tự trong dãy 12345678901234567... (trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả cho tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Stt	Thứ	CBGD	Tên CB	Mã MH	Mã NH	Tên môn học	Số tiết	Lớp	Sĩ số	Tiết học 1234567890123	Phòng	Tuần dạy 12345678901234567890
1	2	002733	Ngọc	NN124	04	TT. Sinh hóa	4	NN124691	50	1234---------	T2SHOA	--------------------
2	2	000413	Hòa	NN128	01	Sinh lý thực vật A	3	NN128791	41	123----------	101/NN	--------------------
3	2	000929	Trầm	NN453	01	Nghệ thuật hoa viên	2	NN453001	15	12----------	202/D2	--------------------
4	2	000281	Minh	NN521	01	Phong thủy	2	NN521791	62	12----------	102MTN	--------------------
5	2	000411	Bé	NS447	01	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan	3	NS447001	10	--345--------	204/D1	--------------------
6	2	002530	Lý	NN129	03	Sinh lý thực vật B	2	NN129Z31	79	---45--------	105/NN	--------------------
7	2	000413	Hòa	NN388	01	Sinh lý Stress thực vật	2	NN388111	36	---45--------	201/NN	--------------------
8	2	000929	Trầm	NN460	01	Kỹ thuật trang trí nội thất	2	NN460001	14	---45--------	203/D2	--------------------
9	3	002530	Lý	NN124	03	TT. Sinh hóa	4	NN124191	59	1234---------	TTSHOA	--------------------
10	3	002344	Kỳ	NS383	01	Công nghệ sinh học thực vật	2	NS383X91	20	12----------	304/D2	--------------------
11	3	002187	Nhẫn	NN123	01	Sinh hóa B	2	NN123081	82	---45--------	105/NN	--------------------
12	3	000411	Bé	NN129	01	Sinh lý thực vật B	2	NN129111	76	---45--------	108/NN	--------------------
13	3	002420	Giang	NS382	01	Tế bào học ứng dụng	2	NS382X91	39	---45--------	202/C1	--------------------
14	3	000413	Hòa	NS122	01	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2	NS122V81	27	-----67------	203/NN	--------------------
15	3	002081	Xuân	NS381	03	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	NS381V82	71	-----67------	112/NN	--------------------
16	3	002081	Xuân	NS381	01	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	NS381791	75	-------89----	105/NN	--------------------
17	3	002251	Tâm	NS381	04	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	NS381671	68	-------89----	205/NN	--------------------
18	4	000422	Trâm	NN122	01	Sinh hóa A	3	NN122721	50	123----------	201/NN	--------------------
19	4	002420	Giang	NN124	13	TT. Sinh hóa	4	NN124941	60	1234---------	T2SHOA	--------------------
20	4	002419	Ây	NN123	02	Sinh hóa B	2	NN123111	81	---45--------	108/NN	--------------------
21	4	002029	Long	NN129	04	Sinh lý thực vật B	2	NN129721	70	---45--------	110/NN	--------------------
22	4	002358	Thảo	NN129	05	Sinh lý thực vật B	2	NN129731	64	---45--------	103/C1	--------------------

23	4	000411	Bé	NS102	01	Cây hoa kiểng	2	NS102791	31	-----67------	202/NN	----------
24	5	002530	Lý	NN124	02	TT. Sinh hóa	4	NN124111	45	1234---------	T2SHOA	----------
25	5	002029	Long	NS258	01	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch	3	NS258X91	24	123----------	202/NN	----------
26	5	002419	Ây	TN340	01	Nuôi cấy mô thực vật	2	TN340101	50	12----------	104/NN	----------
27	5	002187	Nhẫn	NN123	03	Sinh hóa B	2	NN123191	80	---45--------	109/NN	----------
28	5	000422	Trâm	NS206	01	Sinh hóa học ứng dụng	2	NS206001	27	---45--------	202/NN	----------
29	5	002420	Giang	TN340	02	Nuôi cấy mô thực vật	2	TN340791	47	---45--------	204/NN	----------
30	5	002419	Ây	NS205	01	Sinh học ứng dụng đại cương	2	NS205V81	65	-------89----	106/NN	----------
31	5	002204	Nghĩa	NS381	02	Vi sinh vật trong nông nghiệp	2	NS381721	74	-------89----	111/NN	----------
32	6	002187	Nhẫn	NN123	04	Sinh hóa B	2	NN123004	66	12----------	207/C1	----------
33	6	002733	Ngọc	NN124	01	TT. Sinh hóa	4	NN124081	44	1234---------	T2SHOA	----------
34	6	002420	Giang	NN129	02	Sinh lý thực vật B	2	NN129191	80	---45--------	110/NN	----------
35	6	002419	Ây	NN124	05	TT. Sinh hóa	4	NN124721	60	-----6789----	T2SHOA	----------
36	6	002029	Long	NN450	01	Hệ thống tưới tiêu	2	NN450791	27	-----67------	202/NN	----------
37	6	002187	Nhẫn	NS210	01	Anh văn chuyên môn-SHUD	2	NS210001	23	-----67------	207/NN	----------
38	6	002029	Long	NS208	01	Sinh lý học thực vật ứng dụng	2	NS208V81	32	-------89----	101/NN	----------

Ngày 02 Tháng 08 Năm 2022